TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2026/HNGĐ -ST
Ngày: 05-5-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thuý An**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Sương**.

Ông **Lê Thành Tam**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Thắng** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hiển Đạt** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Mai H**, sinh năm 2000. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh **Trịnh Bá L**, sinh năm 1990. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng:* Bà **Nguyễn Thị Hồng P**, sinh năm 1984. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp B, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/12/2025, nguyên đơn chị Lê Thị Mai H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trịnh Bá L thành hôn do quen biết, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Phú, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 28/4/2018. Thời gian chung sống lúc đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, sống không

còn hạnh phúc, vợ chồng không thể hàn gắn lại được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trịnh Bá L.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trịnh Ngọc Thiên K, sinh ngày 14/9/2019 và Trịnh Ngọc Thiên N, sinh ngày 21/9/2021 hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi con chung 8.000.000đ/tháng đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 18/3/2026, nguyên đơn chị Lê Thị Mai H trình bày: Chị yêu cầu ly hôn với anh Trịnh Bá L do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ năm 2023 đến nay không hàn gắn lại được, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Về con chung chị yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 18/3/2026, người làm chứng bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày: Bà là thiếm dâu của chị Lê Thị Mai H. Giữa chị Lê Thị Mai H và anh Trịnh Bá L thành hôn có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian chung sống lúc đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Về con chung giữa chị H và anh L có 02 con chung hiện đang sống chung với chị H, điều kiện sinh sống của các cháu được đảm bảo, các cháu phát triển tốt về mọi mặt. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng chị H và anh L không có.

Tại phiên toà, bị đơn anh Trịnh Bá L trình bày: Giữa anh và chị Lê Thị Mai H thành hôn do quen biết, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Phú, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 28/4/2018. Thời gian chung sống lúc đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi và vợ chồng đã ly thân từ năm 2023 đến nay không hàn gắn lại được. Nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Lê Thị Mai H. Về con chung anh đồng ý để chị H tiếp tục nuôi 02 con chung, về cấp dưỡng nuôi con để anh và chị H tự thoả thuận. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, vi phạm quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều

83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Mai H.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Mai H được ly hôn với anh Trịnh Bá L.

Về con chung: Giao con 02 con chung tên Trịnh Ngọc Thiên K, sinh ngày 14/9/2019 và Trịnh Ngọc Thiên N, sinh ngày 21/9/2021 cho chị Lê Thị Mai H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trịnh Bá L không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Mai H nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Lê Thị Mai H yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Trịnh Bá L cư trú ấp P, xã N, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Lê Thị Mai H có đơn xin vắng mặt ngày 18/3/2026. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[3] Người làm chứng bà Nguyễn Thị Hồng P vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà Phương đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng.

[4] Chị Lê Thị Mai H và anh Trịnh Bá L thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Nhơn Phú, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (Nay là xã Nhơn Phú, tỉnh Vĩnh Long) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18 vào ngày 28/4/2018 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L là hợp pháp.

[5] Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị H và anh L thời gian đầu sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống không còn hạnh phúc và đã ly thân từ năm 2023 đến nay không hàn gắn được. Sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ để Toà án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng anh L vắng mặt không lý do, chị H có đơn yêu cầu không tiến hành hoà giải do vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục. Tại phiên toà anh L cũng đồng ý ly hôn với chị H. Như

vậy cho thấy tình cảm giữa chị H và anh L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Xét thấy 02 con chung tên Trịnh Ngọc Thiên K, sinh ngày 14/9/2019 và Trịnh Ngọc Thiên N, sinh ngày 21/9/2021 hiện đang sống trực tiếp với chị H, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L đồng ý để chị H tiếp tục nuôi 02 con chung, về cấp dưỡng nuôi con giữa anh L, chị H tự thoả thuận. Nhằm để bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống của các con, Hội đồng xét xử xét giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Mai H và anh Trịnh Bá L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Mai H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Mai H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Mai H được ly hôn với anh Trịnh Bá L.

1.2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trịnh Ngọc Thiên K, sinh ngày 14/9/2019 và Trịnh Ngọc Thiên Ni, sinh ngày 21/9/2021 cho chị Lê Thị Mai H

trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trịnh Bá L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Mai H và anh Trịnh Bá L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Mai H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị H đã nộp theo biên lai thu số 0001387 ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 2 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 2 – Vĩnh Long;
- UBND xã Nhơn Phú, tỉnh Vĩnh Long)
(Giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 28/4/2018);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thuý An